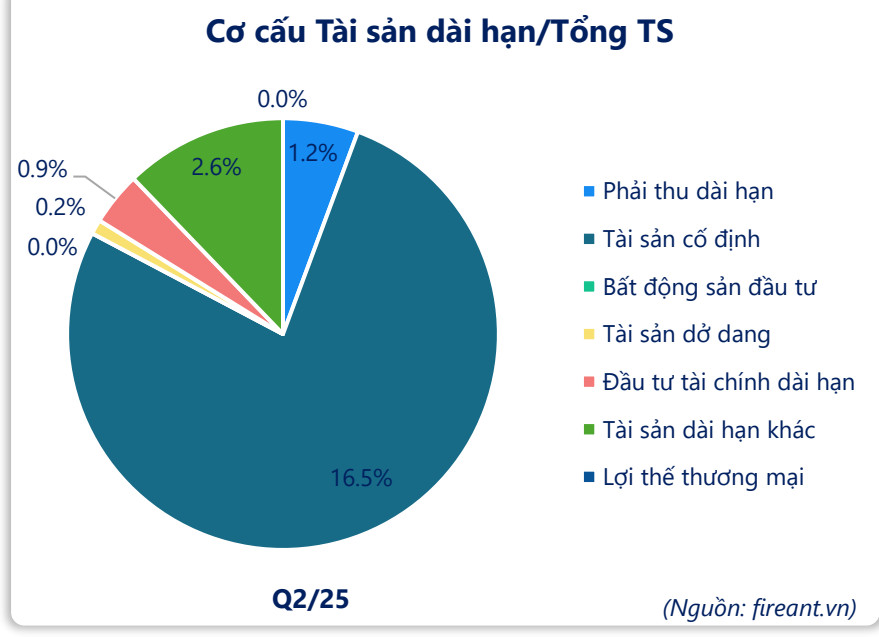
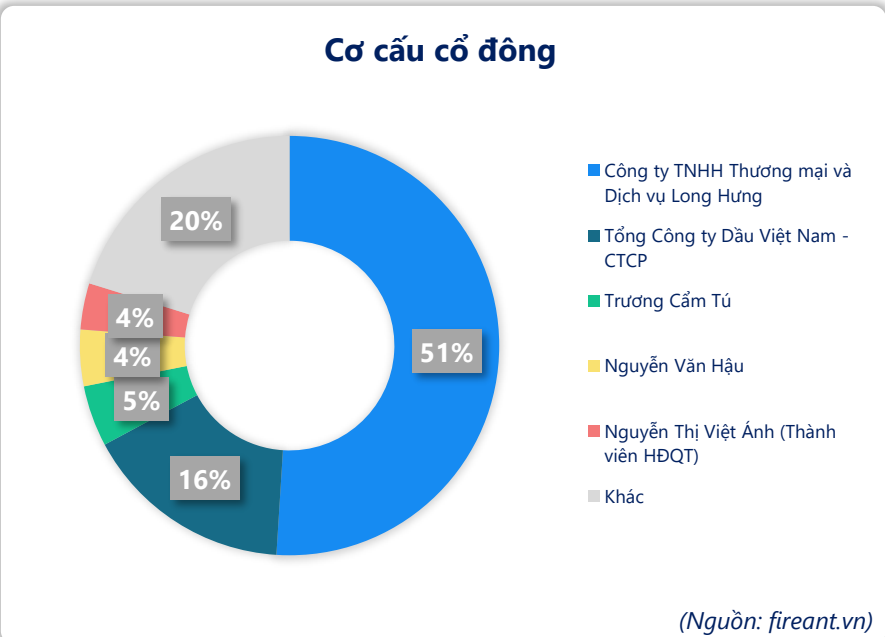
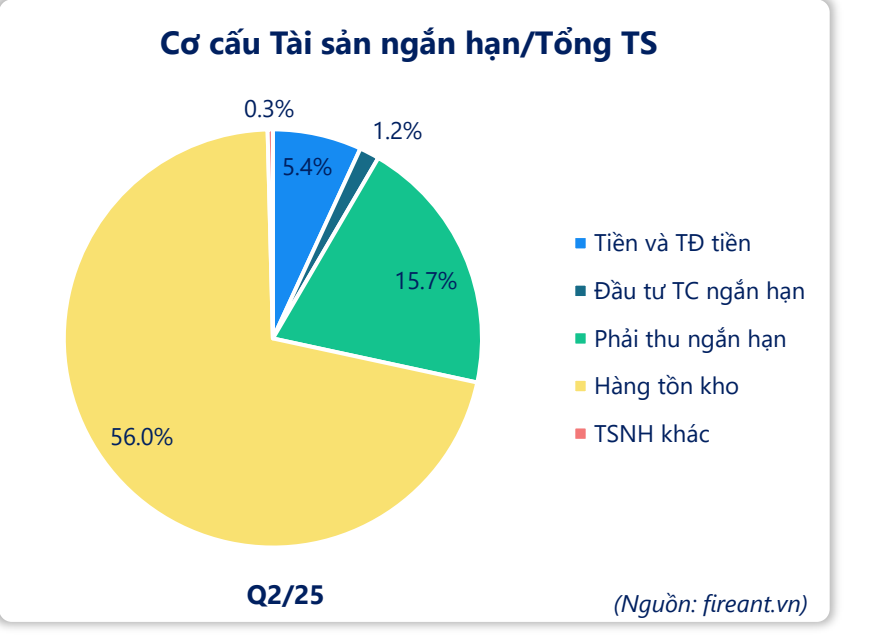
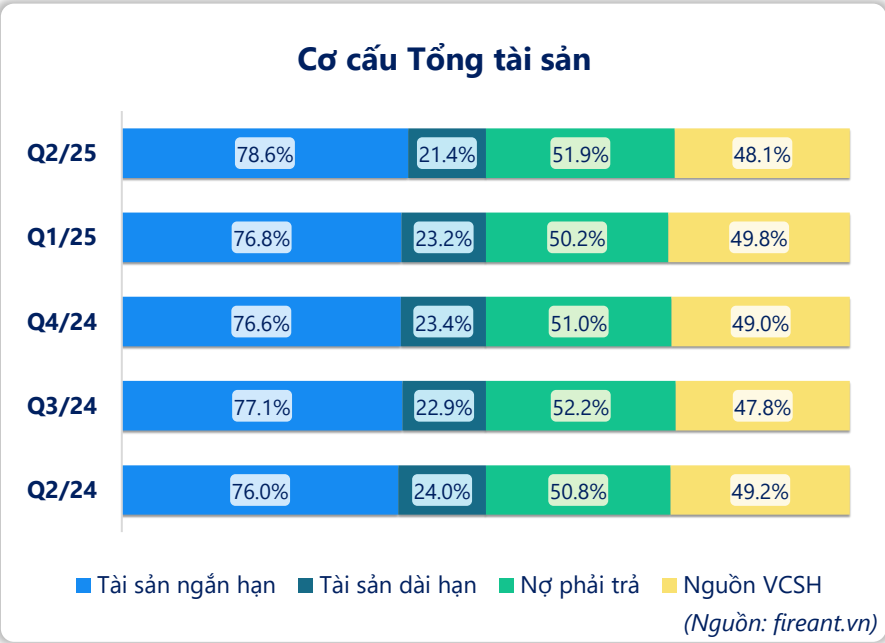
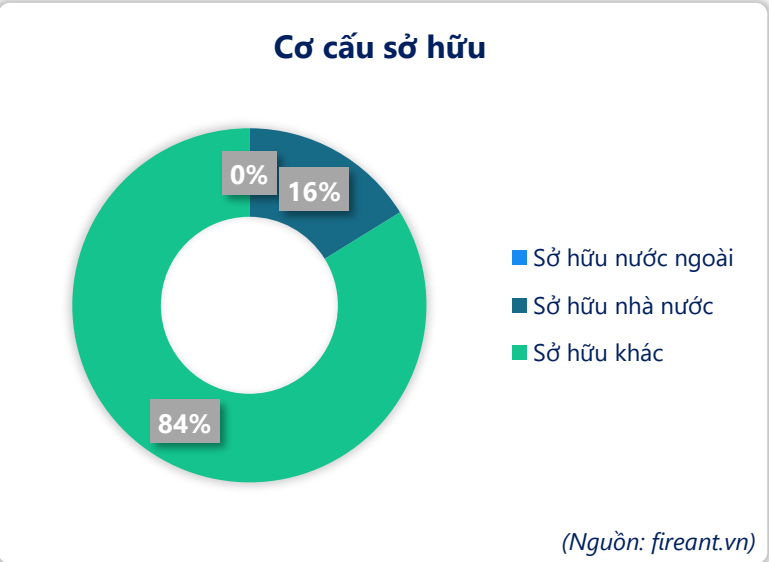
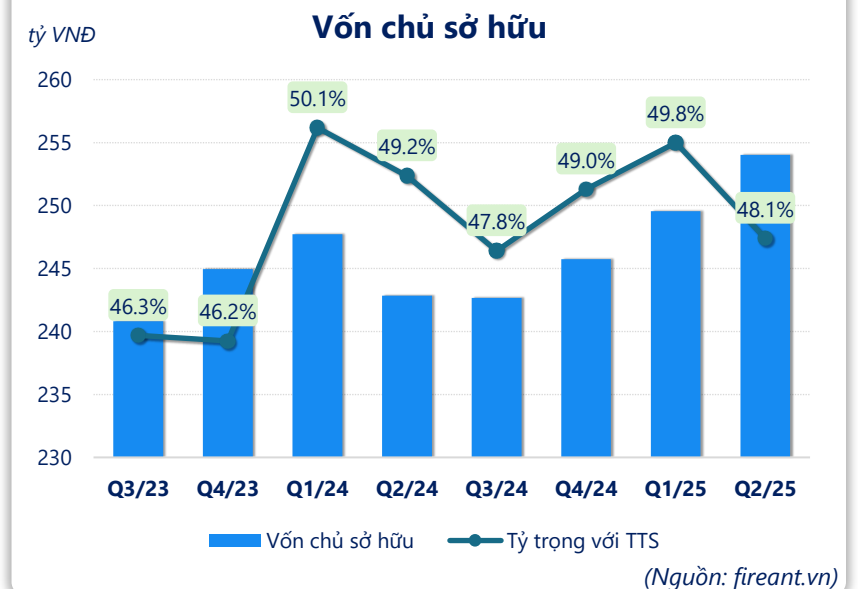
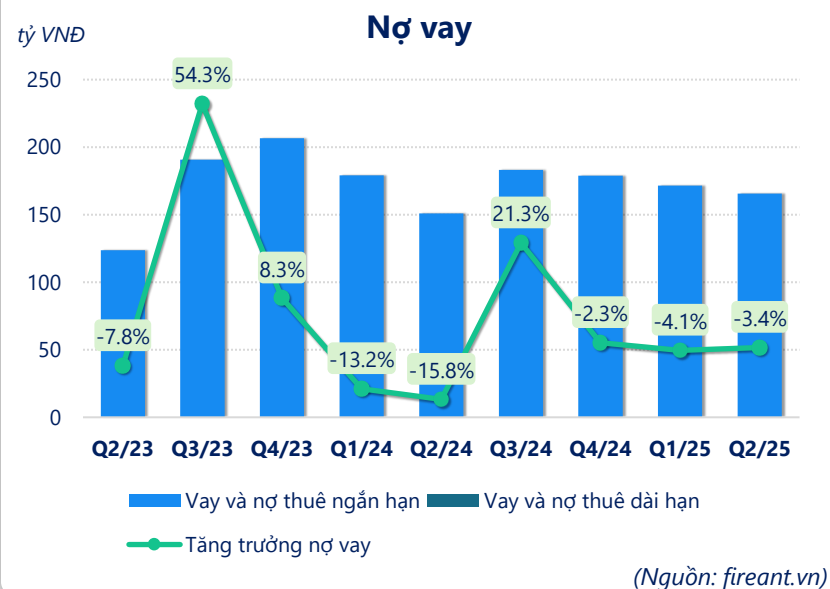
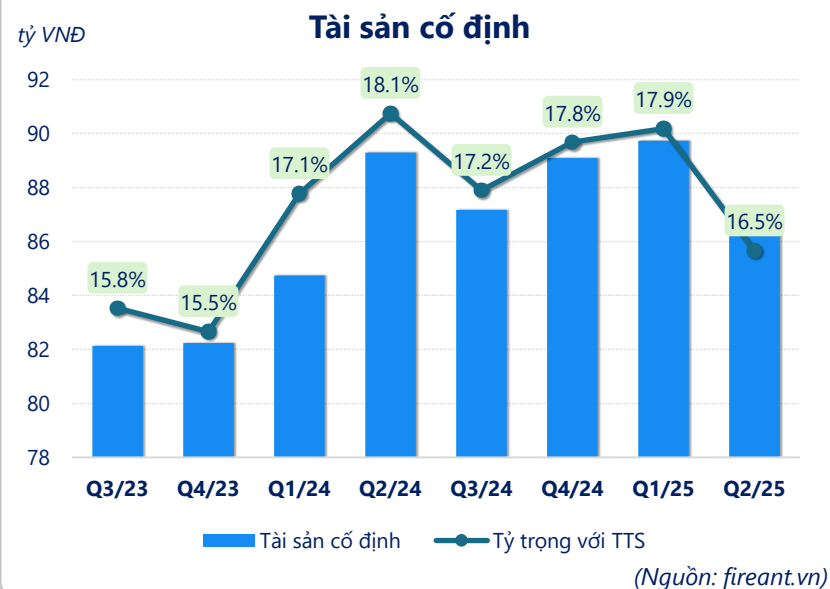
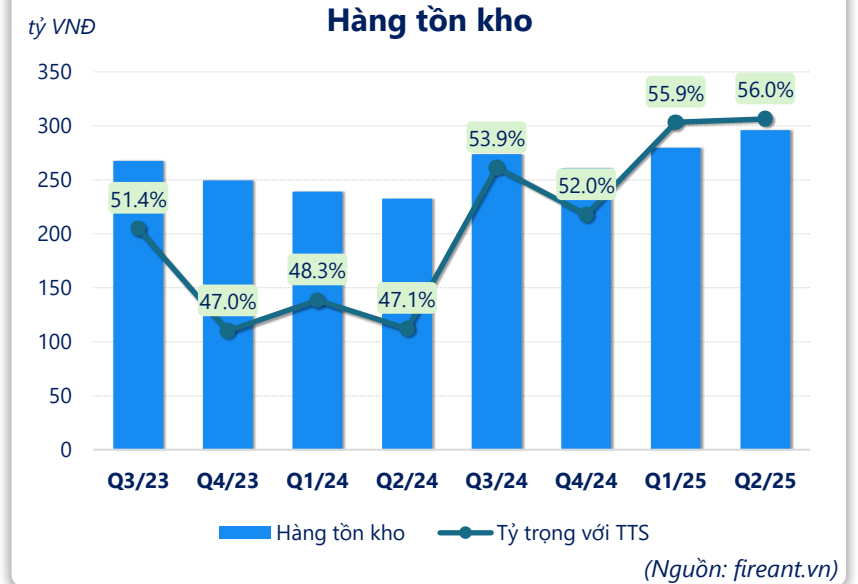
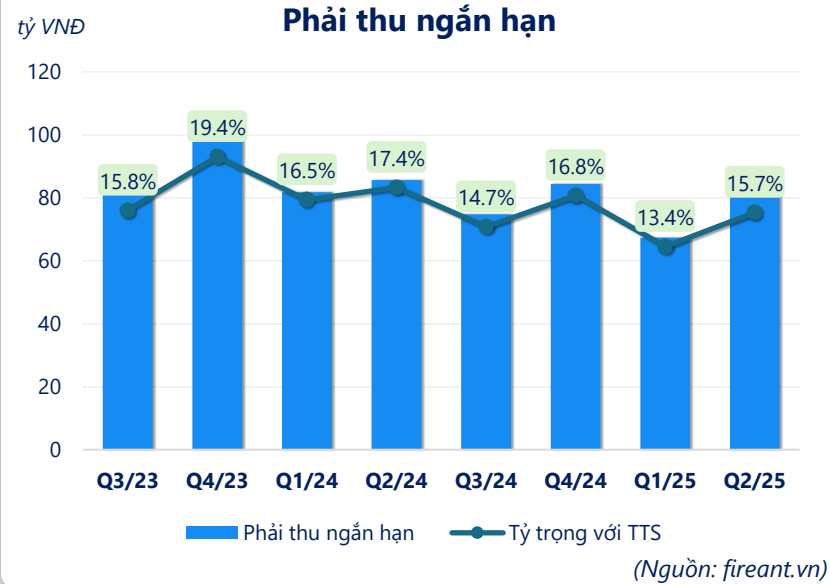
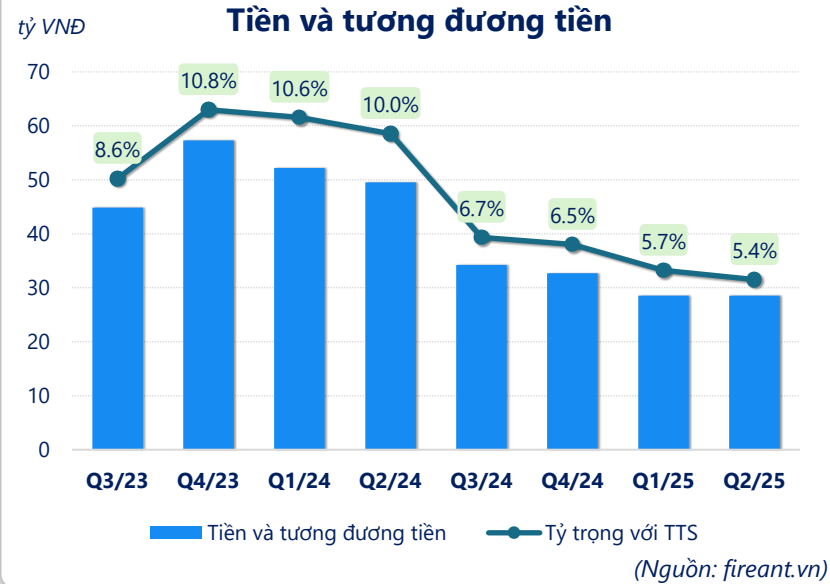
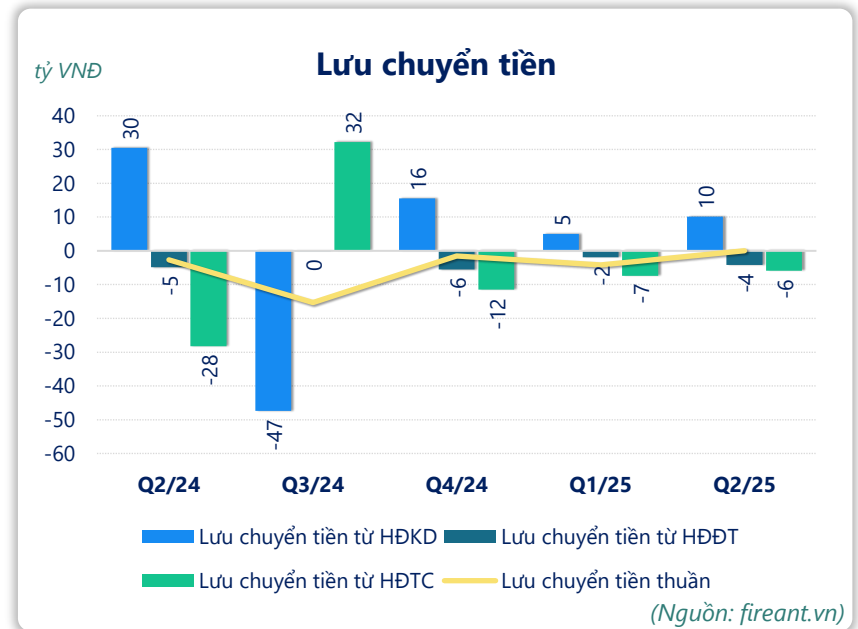
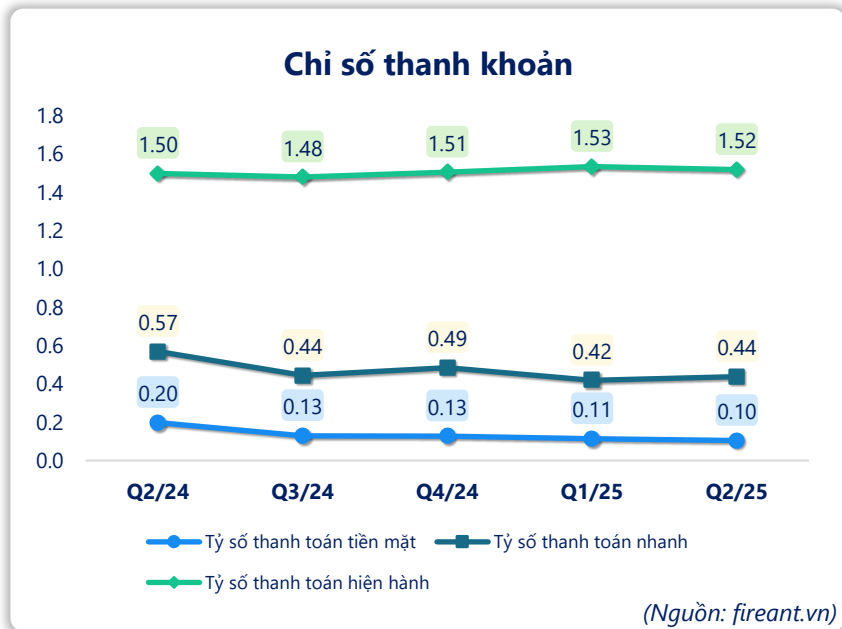
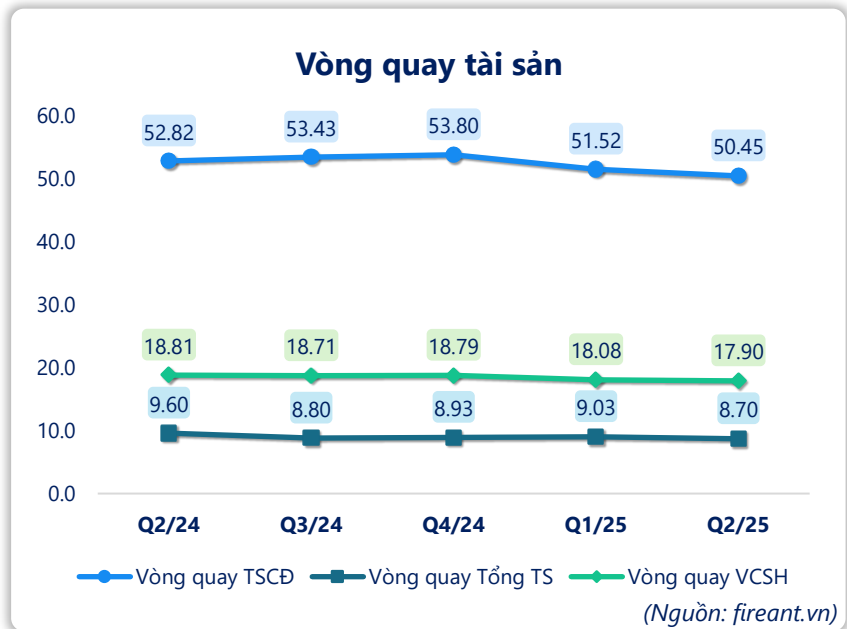
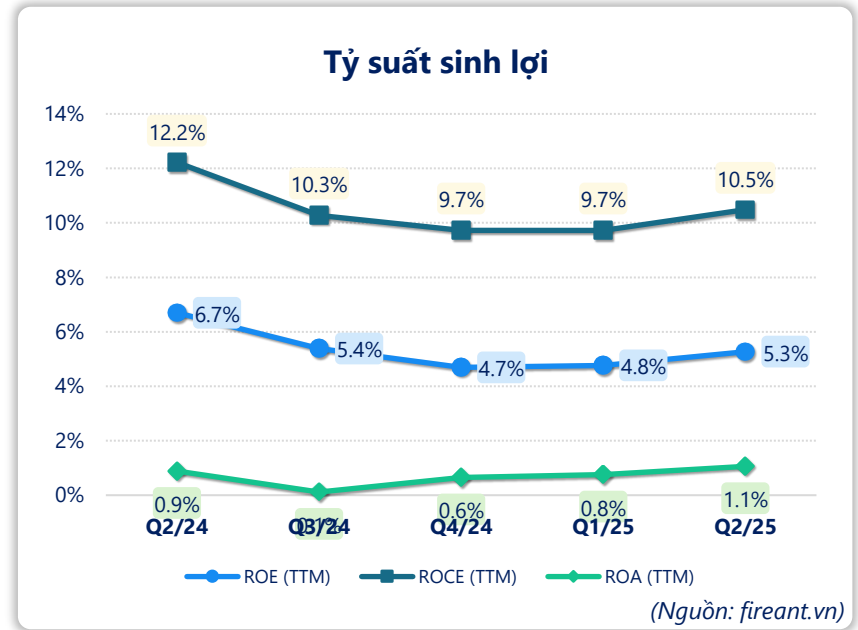
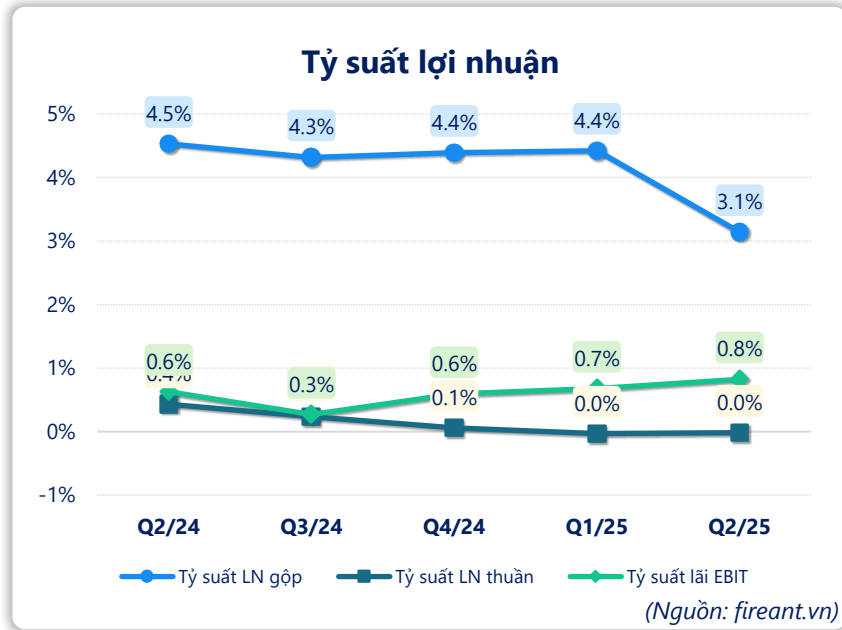
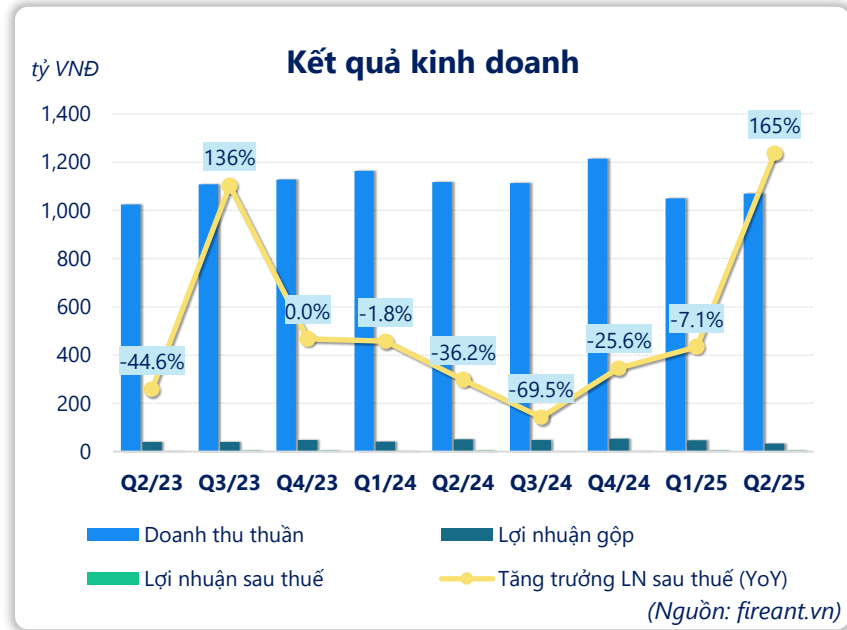


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,440
SL cổ phiếu LH		18,155,868
KLGD BQ 20 phiên (CP)		760
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		152
P/E		11.6
EPS		722

	YTD	1T	3T	6T
CMV	-8.1%	-2.2%	1.7%	-10.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	529	503	5.2%
Tài sản ngắn hạn	416	385	7.9%
Tiền và tương đương tiền	28.6	32.7	-12.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	0.0%
Phải thu ngắn hạn	83.0	85.1	-2.4%
Hàng tồn kho	296	261	13.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.69	0.44	282%
Tài sản dài hạn	113	117	-3.7%
Phải thu dài hạn	6.37	6.16	3.5%
Tài sản cố định	87.0	89.1	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.23	2.13	-42.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.50	5.25	-14.3%
Tài sản dài hạn khác	13.8	14.6	-5.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	275	257	7.0%
Nợ ngắn hạn	274	256	6.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	166	179	-7.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	79.9	46.7	70.9%
Nợ dài hạn	0.80	0.56	43.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	254	246	3.2%
Vốn chủ sở hữu	254	246	3.2%
Vốn điều lệ	182	182	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,117	1,114	1,215	1,049	1,069
Giá vốn hàng bán	1,066	1,065	1,161	1,003	1,036
Lợi nhuận gộp	50.6	48.1	53.3	46.4	33.6
Doanh thu HĐTC	0.71	0.58	0.61	0.58	0.65
Chi phí TC	1.57	2.62	2.63	2.96	2.83
Chi phí lãi vay	2.21	2.34	2.81	2.26	2.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.5	39.1	46.5	39.9	27.7
Chi phí QLDN	4.39	4.35	4.05	4.44	3.88
LN thuần từ HĐKD	4.82	2.62	0.72	-0.32	-0.17
Lợi nhuận khác	-0.01	-1.95	3.66	5.17	6.48
LN trước thuế	4.81	0.67	4.38	4.85	6.31
Lợi nhuận sau thuế	3.86	0.23	3.06	3.47	4.48
LNST của CĐ cty mẹ	4.17	0.60	3.34	3.75	5.41

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.5	-47.4	15.5	5.04	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.88	-0.06	-5.54	-1.86	-4.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.3	32.2	-11.5	-7.36	-5.89
Tiền đầu kỳ	52.2	49.5	34.2	32.7	28.5
Lưu chuyển tiền thuần	-2.66	-15.3	-1.53	-4.18	0.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	49.5	34.2	32.7	28.5	28.6

(Nguồn: fireant.vn)